|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| RACI Matrix | | | | | |
| Nhiệm vụ chính | **Công việc cụ thể** | **Trinh** | **Phúc** | **Lợi** | **Thu** |
| 1. Data Collection & Analysis | Tìm bộ dữ liệu từ cổng dữ liệu mở (data.gov.au, NT Gov Data, v.v.)  Làm sạch dữ liệu (remove trùng lặp, null, format lại) Phân tích cơ bản: thống kê, biểu đồ | **R** | I | **R/A** | C |
| 2. UX/UI Design & Visual Assets | Thiết kế mockup / wireframe  Xây dựng giao diện demo (Figma/Canva/PowerPoint prototype) Tạo icon, biểu đồ trực quan | **R** | **R/A** | C | C |
| 3. Storytelling & Proposal Writing | Viết problem statement Xây dựng giải pháp (cách dùng dữ liệu để giải quyết) Soạn proposal & script thuyết trình 3 phút | C | I | **R** | **R/A** |
| 4. Video Editing & Final Submission | Viết storyboard video Quay màn hình prototype/demo Chèn voice-over, nhạc nền Render video 3 phút và kiểm tra format (mp4) Upload trên Hackerspace | C | **R/A** | **C** | **R** |
| 6. Team Coordination & Timeline | Lập timeline chi tiết (Day 1 – Day 2 – Deadline)  Checkpoint mỗi 4–6 giờ để update tiến độ  Quản lý chia task trên Google Sheet  Nhắc deadline cho các mốc quan trọng | **R** | **R** | **R** | **R** |

**R = Responsible** → Người trực tiếp làm.

**A = Accountable** → Người chịu trách nhiệm cuối cùng.

**C = Consulted** → Người tư vấn, đóng góp ý kiến.

**I = Informed** → Người cần được cập nhật thông tin.